

Bản án số: 66/2019/DS-PT.

Ngày 20/6/2019.

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Ông Bạch Đăng Thi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BG.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22/5 và ngày 20/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLPT-DS ngày 05/3/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện LN có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐ-PT ngày 03/5/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đồng Duy C- Luật sư văn phòng Luật sư Phan Tiền & cộng sự thuộc đoàn Luật sư tỉnh BG. (có mặt)

2. **Bị đơn:** - Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt)

- Anh Bùi Ngọc H, sinh năm 1966 do chị Phạm Thị Th đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2018 (có mặt).

Địa chỉ: Phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1958 do ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1957 đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Địa chỉ: Phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG –

4. **Người làm chứng:**

- Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1933 (có mặt)

- Anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Tân Cầu, xã Cương S, huyện LN, tỉnh BG.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG
- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979 (có mặt tại phiên tòa ngày 21,22/5, vắng mặt ngày 20/6)

Địa chỉ: Phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG

- Bà Vũ Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 550, phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN, tỉnh BG

5. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thế V - Là nguyên đơn; bà Phạm Thị Th, ông Bùi Ngọc H- Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25/7/2018 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông là anh rể của chị Phạm Thị Th. Trong thời gian khoảng cuối năm 2007 dương lịch ông có cho chị Phạm Thị Th vay tiền hai lần, lần một vào khoảng cuối tháng 8/2007 vợ chồng ông có cho Chị Th, Anh H vay 2.200.000.000 đồng, khi cho vay không viết giấy tờ biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán vì là chỗ tình cảm trong gia đình, khi vay tiền Chị Th có nói mục đích vay tiền về để kinh doanh buôn bán nên vợ chồng ông đã tin tưởng cho vay số tiền trên. Để đảm bảo cho khoản vay trên Chị Th có đưa cho vợ chồng ông cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất có diện tích 72m² địa chỉ thửa đất ở phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện LN để làm tin.

Lần hai khoảng tháng 9/2007 Chị Th đến gia đình ông hỏi vay tiếp số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), khi cho vay không viết giấy tờ biên nhận, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán, mục đích Chị Th vay tiền để trả nợ cho chồng nên vợ chồng ông đã đồng ý đưa cho Chị Th vay tiếp số tiền trên. Tổng hai lần Chị Th vay tiền của vợ chồng ông là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Đến khoảng tháng 10/2010 do vợ chồng ông cần tiền để lấy vốn kinh doanh nên có đòi tiền Chị Th, Anh H. Do Chị Th, Anh H không có tiền trả nợ nên vợ chồng ông có bảo Chị Th, Anh H ký vào giấy thế chấp sổ bìa đỏ lô đất có diện tích 72m² ở phố Bình Minh, thị trấn ĐN, huyện LN mà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông đang giữ từ năm 2007 để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện LN. Chị Th Anh H đã đồng ý, khi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện LN tiến hành thẩm định, Ngân hàng đã định giá mảnh đất của vợ chồng Chị Th Anh H trị giá là 864.000.000 đồng, vợ chồng ông có thể chấp thêm một mảnh đất của gia đình ông để vay số tiền 1.600.000.000 đồng. Ngày 25/10/2010 Chị Th, Anh H ký giấy thế chấp để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện LN để cho vợ chồng ông được vay tiền ngân hàng. Đến năm 2014 vợ chồng ông đã trả tiền cho Ngân hàng xong và lấy

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông về, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Anh H, Chị Th vẫn để ở Ngân hàng, ông chưa lấy về vì nghĩ rằng mảnh đất này Chị Th, Anh H đã thế chấp cho khoản vay 3 tỷ đồng của gia đình ông nên để Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng giữ sẽ chắc chắn hơn.

Đến đầu năm 2018 giá đất lên cao ông có nói với Chị Th là sang tên sổ bìa đỏ cho gia đình ông để vợ chồng ông bán mảnh đất mà Chị Th đã thế chấp. Chị Th có nói nếu bây giờ sang tên thì sẽ mất mấy chục triệu tiền lệ phí chuyển quyền sử dụng đất, anh chị cứ đưa sổ bìa đỏ đất trên cho em để em bán đất và khác thanh toán trả anh chị tiền đã vay. Do không tin tưởng nên ông đã yêu cầu Chị Th viết giấy nhận khoản nợ 3 tỷ đồng đã vay của gia đình ông vào năm 2007 để làm tin thì vợ chồng ông mới đồng ý đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất mà Chị Th đã thế chấp cho vợ chồng ông để về bán đất cho bà Vũ Thị N.

Khoảng cuối tháng 3/2018 Chị Th có cầm giấy vay tiền trong giấy ghi ngày 12/8/2007 đến nhà ông đưa cho vợ chồng ông, nội dung trong giấy vay tiền do Chị Th tự viết, vì là chỗ anh chị em trong gia đình nên ông cũng không bắt Chị Th, Anh H ký vào giấy vay tiền.

Ngày 23/4/2018 ông cùng Anh H đã đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện LN lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Chị Th đã thế chấp cho vợ chồng ông vào khoảng cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 2007 về, vợ chồng ông vẫn giữ và mang biển ra treo thông báo bán đất tại mảnh đất của gia đình Chị Th, trong biển bán đất vẫn ghi số điện thoại của ông.

Đến thời điểm vợ chồng Chị Th làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N, Chị Th bảo ông đem GCNQSDĐ cùng Chị Th lên UBND thị trấn ĐN để làm thủ tục chuyển nhượng cho bà N. Khi Chị Th, Anh H bán đất cho bà N vào ngày 08/6/2018 Chị Th gọi điện cho vợ ông bảo ông ra Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện LN nhận tiền để không phải đếm, vợ chồng ông có ra Ngân hàng thì Anh H đã không đồng ý giao tiền tại Ngân hàng mà yêu cầu bà N cầm tiền về nhà bà N để giao tiền và vợ chồng ông có theo về nhà bà N. Anh H đã điện cho Chị Th bảo bà N cầm tiền đến nhà Anh H để giao tiền, do đó vợ chồng ông đi về nhà và đến buổi chiều cùng ngày ông có đến nhà Chị Th đòi tiền thì Chị Th không có nhà chỉ có Anh H ở nhà và Anh H đã nói với ông để cho Chị Th đi đòi được nợ về thì Chị Th trả. Từ đó đến nay vợ chồng Chị Th đã không trả tiền cho vợ chồng ông được đồng nào. Nay ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Bùi Ngọc H, chị Phạm Thị Th thanh toán trả vợ chồng ông số tiền đã vay theo Giấy vay tiền ngày 12/8/2007 là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Ông không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 07/9/2018 và biên bản lấy lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Thế V, bà không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018, và các biên bản lấy lời khai tiếp theo bị đơn

chị Phạm Thị Th trình bày: Chị là em ruột của bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Thế V là anh rể của chị. Sự việc chị viết giấy vay tiền của vợ chồng Ông V, bà Đ trong giấy ghi ngày 12/8/2007 nhưng thực tế là viết khoảng tháng 4/2018. Trước khi viết giấy vay tiền này khoảng vài hôm chị có bàn bạc với bà Đ với nội dung như trong giấy vay tiền đã ghi, mục đích viết giấy để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Khi tự tay viết giấy vay tiền chị hoàn toàn bình thường tỉnh táo không bị ai ép buộc, vì tin tưởng chỗ bà Đ là chị ruột của chị. Trước khi viết giấy vay tiền chị có bàn bạc trước với anh Bùi Ngọc H là chồng chị vào buổi trưa, chị viết giấy xong đưa cho Anh H ký thì Anh H không đồng ý nên đã xé giấy. Buổi tối cùng ngày chị viết lại tờ giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 chị đã cầm giấy vay tiền này đem đến đưa cho bà Đ xem, sau khi xem xong bà Đ nói cầm về bảo Anh H ký vào giấy vay tiền. Chị cầm giấy về nhà và nói với Anh H thì Anh H không đồng ý ký. Sau đó chị cầm giấy vay tiền quay lại nhà bà Đ và đưa cho bà Đ giữ giấy vay tiền. Chị khẳng định rằng từ trước đến nay hai vợ chồng chị chưa vay mượn gì của vợ chồng bà Đ, Ông V. Mục đích chị viết giấy vay tiền của bà Đ, Ông V nhận vay số tiền 03 tỷ đồng vì vợ chồng chị nợ của ông Đinh Nho T số tiền 500.000.000 đồng tại thời điểm đó Chi cục thi hành án dân sự huyện LN đã ra Quyết định thi hành án số 72 và số 73 ngày 11/3/2014 yêu cầu gia đình chị phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Do lúc đó chị không am hiểu về pháp luật suy nghĩ rằng nếu viết giấy nhận nợ vào thời điểm trước đó thì Chi cục thi hành án dân sự huyện LN sẽ không kê biên bán đấu giá mảnh đất ở phố Bình Minh, thị trấn ĐN, huyện LN của gia đình chị được.

Năm 2010 Ông V, bà Đ cần vốn để làm ăn bà Đ bảo chị nói với Anh H cho vợ chồng Ông V, bà Đ mượn mảnh đất ở có diện tích 72m² ở phố Bình Minh, thị trấn ĐN, huyện LN để vay vốn Ngân hàng, do đất nhà chị có giá trị lớn có thể vay được nhiều tiền. Chị và Anh H đã đồng ý ủy quyền cho vợ chồng Ông V, bà Đ mượn mảnh đất trên làm tài sản thế chấp để vợ chồng Ông V, bà Đ vay vốn Ngân hàng. Khi Ông V, bà Đ trả tiền Ngân hàng xong, vợ chồng chị đã lấy GCNQSDĐ từ Ngân hàng về nhà cất giữ. Đến tháng 6/2018 vợ chồng chị đã bán mảnh đất trên cho bà Vũ Thị N với giá 3,2 tỷ đồng để thanh toán các khoản nợ. Chị khẳng định rằng vợ chồng chị không đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mảnh đất ở có diện tích 72m² ở phố Bình Minh, thị trấn ĐN, huyện LN cho vợ chồng bà Đ, Ông V giữ, vì nếu đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho vợ chồng Ông V, bà Đ thì vợ chồng chị không thể bán mảnh đất trên cho bà N được.

Nay Ông V, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị thanh toán trả vợ chồng ông bà số tiền là 3.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Chị không đồng ý trả vì vợ chồng chị không nợ vợ chồng Ông V, bà Đ, việc viết giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 là viết giấy tờ không, thực tế từ trước đến nay hai bên không có việc vay mượn.

Tại bản tự khai ghi ngày 06/9/2018 và các biên bản lấy lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Ngọc H trình bày: Gia đình anh từ trước đến nay không vay mượn gì nhà Ông V, bà Đ và cũng không thế chấp GCNQSDĐ của gia đình cho vợ chồng Ông V, bà Đ. Việc Chị Th viết giấy vay

tiền của Ông V, bà Đ không được biết và không được ký vào giấy vay tiền. Năm 2010 vợ chồng anh có ủy quyền cho vợ chồng Ông V, bà Đ mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng mảnh đất có diện tích 72m² địa chỉ thửa đất tại phố Bình Minh, thị trấn ĐN, huyện LN để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp. Khi cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không biết việc Ông V, bà Đ cần vay vốn dùng để làm gì. Khi Ông V, bà Đ trả xong nợ Ngân hàng có lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho vợ chồng anh giữ. Hiện mảnh đất này tháng 6/2018 gia đình anh đã bán cho bà Vũ Thị N để trả nợ một số người. Việc vợ anh viết giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 của Ông V, bà Đ không được biết và không được ký vào giấy vay tiền. Nay Ông V, bà Đ yêu cầu vợ chồng anh cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên anh không đồng ý trả vì anh cho rằng giữa vợ chồng anh và Ông V, bà Đ từ trước đến nay không có việc vay mượn tiền. Tại phiên tòa hôm nay Anh H ủy quyền cho chị Phạm Thị Th đại diện tham gia tố tụng, Chị Th vẫn giữ nguyên lời khai trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thế V, bà Phạm Thị Đ cho rằng: giao dịch dân sự giữa vợ chồng Ông V, bà Đ với vợ chồng Chị Th đã được xác lập hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 121 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 116 của BLDS năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự Chị Th cũng như Ông V, bà Đ đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Những vấn đề này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 122 của BLDS năm 2005 và Điều 117 của BLDS năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế V buộc vợ chồng chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H phải thanh toán số tiền gốc là 03 tỷ đồng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN để đảm bảo cho việc thi hành án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H cho rằng: việc Chị Th viết giấy vay tiền nhưng không ký mục đích viết giấy giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án và cho rằng đây là giao dịch dân sự vô hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 124; khoản 4 Điều 400; Điều 407 của Bộ Luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế V, bà Phạm Thị Đ đồng thời đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân Lục Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 111; khoản 2 Điều 112; Điều 125; Điều 126; Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 469; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế V. Buộc chị Phạm Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế V, bà Phạm Thị Đ số tiền gốc là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN Phong tỏa tài sản của bà Phạm Thị Th tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển- chi nhánh Bắc Giang. Số tài khoản: 43110001747000; số sổ: AAC 3107598; số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Phong tỏa tài sản của ông Bùi Ngọc H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội- chi nhánh Bắc Giang, phòng giao dịch huyện LN: Số tài khoản sổ tiết kiệm: 7623101546007; số tiền là 1.000.0000.000đồng (Một tỷ đồng chẵn).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/01/2019, chị Phạm Thị Th là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng vay số tiền 3 tỷ đồng không có chữ ký của vợ chồng chị, hợp đồng chưa có hiệu lực pháp luật mà Tòa án tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của Ông V là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật. Đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng chị.

Ngày 31/01/2019, ông Nguyễn Thế V là nguyên đơn kháng cáo, Ông V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với lý do Tòa án xác định khoản vay là nợ riêng của chị Phạm Thị Th, không đồng ý với quyết định hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 23/8/2018. Yêu cầu buộc Chị Th và Anh H cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 3 tỷ đồng, giữ nguyên quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN.

Ngày 28/01/2019, anh Bùi Ngọc H là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm vì Tòa án huyện LN căn cứ vào hợp đồng vay số tiền 3 tỷ đồng, không có chữ ký của vợ chồng anh, hợp đồng chưa có hiệu lực pháp luật mà Tòa án tuyên chấp nhận đơn khởi kiện của anh Viên là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông không đồng ý với kháng cáo của Chị Th, Anh H. Đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc Chị Th, Anh H cùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 3.000.000.000đồng, giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 23/8/2018. Ông khẳng định năm 2007, ông có cho Chị Th vay tiền 02 lần, lần 1: 2,2 tỷ đồng, lần 2: 800.000.000đồng. Tổng số tiền 3 tỷ đồng. Chứng minh có việc vay tiền là Chị Th, Anh H thế chấp cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2010 ông cần tiền nhưng Anh H, Chị Th không có trả nên ông đã thế chấp quyền sử dụng đất của Anh H, Chị Th tại Ngân hàng để vay tiền.

* Chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H trình bày: Anh chị không đồng ý trả nợ cho Ông V, bà Đ vì anh chị không vay tiền của ông, bà V Đ. Việc viết giấy vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ nhằm mục đích để Chị Th trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, vì là anh chị em ruột trong gia đình nên Chị Th đã viết và đưa cho chị Đ, nhưng anh chị không ký vào giấy vay tiền. Trên thực tế, anh chị không được cầm một đồng nào của ông bà V, Đ. Việc năm 2010 anh chị cho Ông V, bà Đ mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông bà V Đ vay tiền Ngân hàng làm khu sinh thái nhà nổi, chưa bao giờ anh chị đưa sổ đỏ cho Ông V, bà Đ để vay tiền của Ông V, bà Đ. Anh, chị không đồng ý với ý kiến của Ông V, bà Đ vì khởi kiện của Ông V là không có căn cứ. Giấy vay tiền Chị Th viết nhưng vợ chồng chị không ký, mục đích viết để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của Chị Th, Chị Th viết số tiền 3 tỷ là tương đương với giá trị thửa đất của anh chị. Không có việc anh chị vay tiền của Ông V, bà Đ nên anh chị đã không ký vào giấy vay tiền.

* Người làm chứng là ông Phạm Văn Q trình bày: Ông là bố đẻ của chị Phạm Thị Đ và chị Phạm Thị Th. Ông chỉ nhớ trong năm 2018 tại gia đình ông có chị Đ, Chị Th, ông và anh Phạm Văn Ph ngồi tại nhà ông có được nghe chị Đ, Chị Th nói chuyện với nhau bàn về việc Chị Th sẽ viết giấy nhận nợ số tiền 3.000.000.000đồng của chị Phạm Thị Đ, anh Nguyễn Thế V với mục đích là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, không có việc Chị Th vay tiền chị Đ. Sau đó, chị Đ có bàn với ông và Chị Th là cứ kiện ra tòa để Chị Th phải trả chị Đ 3 tỷ, sau đó Chị Th làm đơn bỏ Anh H, nhưng ông không đồng ý, ông nói “mày làm thế thì thằng H nó chém chết cái Thế”. Ông được biết việc Chị Th viết giấy vay tiền của chị Đ nhận nợ số tiền 3 tỷ đồng là không có sự thật mà chỉ là viết vào giấy tờ không.

* Người làm chứng là anh Phạm Văn Ph trình bày: Anh là em trai của chị Đ và là anh trai của Chị Th. Anh chỉ nhớ trong năm 2018 tại gia đình bố anh, có chị Đ, Chị Th, anh và bố anh là ông Phạm Văn Q, anh có được nghe chị Đ, Chị Th nói chuyện với nhau bàn về việc Chị Th sẽ viết giấy nhận nợ số tiền 3.000.000.000đồng của chị Phạm Thị Đ, anh Nguyễn Thế V với mục đích là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Không có việc chị Đ, anh Viên cho Chị Th vay tiền.

* Người làm chứng là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị là hàng xóm của Chị Th. Chị đã nhiều lần nghe Chị Th nói với chị là bàn với chị Đ viết giấy để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

* Người làm chứng là chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là hàng xóm Chị Th. Giữa chị và Chị Th có việc bàn nhau để Chị Th không phải thi hành án đối với thửa đất của Chị Th. Chính chị chở Chị Th đến nhà bà Đ đưa cho bà Đ giấy vay tiền và chị khuyên Chị Th chưa ký vào giấy vay tiền vội. Khi nào cơ quan thi hành án phát mại thửa đất của Chị Th thì lúc đó Chị Th mới ký vào giấy vay với bà Đ, nhưng không ngờ bà Đ Ông V lại cầm giấy đó đi kiện Chị Th.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào giấy vay tiền Chị Th viết thì đủ căn cứ buộc Anh H, Chị Th phải trả cho Ông V số tiền 3 tỷ đồng. Luật sư không đồng ý với kháng cáo của Chị Th, Anh H. Giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 thực chất là giấy chốt các khoản nợ 3 tỷ các bên xác nhận lại nên yêu cầu khởi kiện của Ông V là có căn cứ. Giấy vay tiền đã có đủ nội dung của một giao dịch dân sự, việc người viết chỉ ghi họ tên mà không ký cũng rất rõ, nếu không có việc vay nợ thì tại sao Chị Th lại viết giấy cầm đến đưa cho chị Đ. Bản thân người vay cũng thừa nhận chữ viết và nội dung trong giấy vay tiền là của người vay thì có hiệu lực pháp luật.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Chị Th có trách nhiệm trả nợ mà không buộc Anh H dẫn đến hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ vì Chị Th vay tiền với mục đích kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình nên không buộc Anh H phải trả nợ cùng Chị Th là vi phạm khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ chứng cứ trong hồ sơ, đánh giá vụ án một cách khách quan, toàn diện để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ông V. Buộc Chị Th, Anh H phải trả cho Ông V, bà Đ số tiền 3 tỷ đồng. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN.

Ngày 22/5/2019 Hội đồng xét xử Quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ:

- Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN xác định ngày 11/3/2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện LN đã ban hành Quyết định thi hành án dân sự số 72,73 yêu cầu chị Phạm Thị Th thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Đinh Nho T số tiền 500.000.000đồng. Sau khi ban hành các quyết định thi hành án thì Chi cục thi hành án có đơn đốc yêu cầu gia đình chị Phạm Thị Th thực hiện nghĩa vụ thi hành án và xác minh tài sản của gia đình Chị Th nhưng không kê biên mảnh đất có diện tích 72m² tại phố Bình Minh, thị trấn ĐN, mà tại thời điểm thi hành án gia đình Chị Th có mảnh đất ở phố Đồi Ngô, thị trấn ĐN, huyện LN có nguồn gốc là đất quốc phòng nên Chi cục thi hành án đã xác minh tài sản trên đất của gia đình Chị Th để đảm bảo cho việc thi hành án. Hiện nay, gia đình Chị Th đã nộp đủ số tiền thi hành án khoản tiền 500.000.000đồng đối với gia đình ông Đinh Nho T.

- Ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh BG lấy lời khai của bà Vũ Thị N, bà N trình bày: Khoảng tháng 6/2018 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 72m², địa chỉ phố Bình Minh, thị trấn ĐN của chị Phạm Thị Th, anh Bùi Thế H. Quá trình mua bán đều đúng quy định của pháp luật và bà đã thanh toán trả toàn bộ số tiền cho vợ chồng anh chị H, Thế. Bà không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng này. Quá trình làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thị trấn ĐN vợ chồng anh Chị Th, H trực tiếp làm việc với bà tại UBND thị trấn ĐN chứng kiến của đồng chí địa chính thị trấn. Bà thấy ông H là người trực tiếp cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai đưa cho ông H giấy tờ gì cả và ông H là người đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng chí Lê Văn Đ là địa chính UBND thị trấn ĐN để làm thủ tục, khi làm thủ tục tại UBND thị trấn chỉ có bà, vợ chồng Thế H và địa chính làm thủ tục ngoài ra không còn có ai khác. Lúc này bà mới chỉ đặt cọc tiền cho vợ chồng T, H khoảng 30 triệu đồng. Việc thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Chị Th, H được thỏa thuận chia thành 02 lần, lần thứ nhất thỏa thuận trả tại ngân hàng, lần thứ hai vì lý do sổ tiết kiệm của bà chưa đến hạn nên bà xin khát vài ngày để khi đến hạn rút sổ bà trả nốt số tiền còn lại. Cả hai lần trả đều có biên bản giao nhận tiền. Khi thực hiện việc giao nhận tiền tại Ngân hàng và tại nhà thì chỉ có vợ chồng anh Chị Th H, con gái bà là Hồ Thị Ngọc L và bà, ngoài ra không có ai khác. Vì hai anh chị V Đ và anh Chị Th H đều là hàng xóm với gia đình bà nên bà đều biết cả hai gia đình. Trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền bà chưa bao giờ gặp cũng như nhìn thấy anh chị V, Đ.

- Ngày 26/5/2019 nguyên đơn là ông Nguyễn Thế V có đơn đề nghị cung cấp thêm một số chứng cứ là bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Phạm Thị Đ và anh Phạm Quang N, bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Đ và em gái Phạm Thị Y, bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa Ông V và chị Nh tiệm vàng Hồng Nh, bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa Ông V và bà Phạm Thị Th kèm theo 01 USB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế V, chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H, sửa bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế V về yêu cầu về việc buộc vợ chồng anh Bùi Ngọc H, chị Phạm Thị Th phải trả cho vợ chồng ông số tiền 3.000.000.000đồng. Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ- BPKCTT ngày 23/8/2018 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018.

Ông V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 và quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất thời điểm viết giấy vay tiền vào khoảng tháng 3/2018. Nên đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của Chị Th, Anh H về việc xác định anh chị không nợ Ông V, bà Đỗ tiền 3.000.000.000đồng như Ông V khởi kiện mà chỉ là viết khống để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Khoảng tháng 3/2018 giữa ông Nguyễn Thế V, bà Phạm Thị Đ và chị Phạm Thị Th đã xác lập hợp đồng vay tài sản được thể hiện tại giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 12/8/2007. Trong đó, Ông V, bà Đ là bên cho vay, Chị Th, Anh H là bên vay. Tài sản vay là 3.000.000.000đồng tiền mặt, giấy vay không xác định thời hạn. Chị Th, Anh H cho rằng chị viết giấy nhưng chị không vay tiền của Ông V, bà Đ mà việc Chị Th viết giấy vay tiền trong giấy ghi ngày 12/8/2007 chỉ là viết giấy tờ khống nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án do không am hiểu pháp luật, thực tế chị không vay tiền của Ông V, bà Đ, chị không được nhận tiền của bà Đ, Ông V. Ông V, bà Đ cho rằng số tiền 3 tỷ là khoản vay từ năm 2007 nhưng không có giấy tờ gì.

Xét thấy: Căn cứ Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015 Ông V, bà Đ, Chị Th là người có năng lực trách nhiệm dân sự, tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện.

Tuy nhiên, Chị Th thừa nhận giấy vay tiền do chị viết và ghi họ tên, nhưng chị không ký vào giấy vay, việc chị viết giấy vay tiền trong giấy ghi ngày 12/8/2007 chỉ là viết giấy tờ khống nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án do không am hiểu pháp luật, thực tế chị không vay tiền của Ông V, bà Đ. Chị không được nhận tiền của bà Đ, Ông V. Căn cứ Chị Th, Ông V, bà Đ viết giấy vay tiền mục đích để Chị Th trốn tránh nghĩa vụ thi hành án là tại biên bản xác minh tại Chi cục thi hành án huyện LN thời điểm năm 2014 Chị Th đang phải thi hành 02 bản án đối với anh Đinh Nho Huỳnh và anh Đinh Nho T, đến tháng 5/2018 Chị Th mới thi hành xong.

[2.2]. Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là Ông Q, anh Phấn, Chị H, chị Huế và các biên bản xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, xác định giữa bà Đ và Chị Th có việc bàn bạc viết giấy vay tiền với số tiền 3 tỷ đồng là không có sự thật mà chỉ để nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

[2.3]. Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất ở phố Bình Minh, thị trấn ĐN của vợ chồng Anh H, Chị Th. Ông V, bà Đ cho rằng Anh H, Chị Th thế chấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà từ năm 2007. Bằng chứng là việc ông đã thế chấp tại ngân hàng để vay tiền. Nhưng Chị Th không thừa nhận mà chỉ xác định đưa vợ chồng Ông V mượn bìa để vay vốn ngân hàng làm ăn, khi đó Ông V đang cần tiền để xây khu du lịch sinh thái nhà nổi. Hàng tháng, việc trả tiền lãi cho ngân hàng là do Ông V trả. Ông V, bà Đ không chứng minh được việc Chị Th đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay 3 tỷ.

Ông V cho rằng: Sau khi rút tài sản thế chấp tại Ngân hàng, ông là người đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Anh H và cùng Anh H, Chị Th làm thủ tục chuyển nhượng cho bà N tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐN. Khi Chị Th, Anh H bán đất cho bà N vào ngày 08/6/2018 Chị Th gọi điện cho vợ ông bảo ông ra Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện LN nhận tiền để không phải đếm. Khi ông ra Ngân hàng thì Anh H không đồng ý giao tiền tại Ngân hàng. Lời trình bày này của Ông V mâu thuẫn với trình bày của bà N. Bà N trình bày bà làm thủ tục mua bán nhà đất của Chị Th là trực tiếp với Anh H Chị Th và bà cũng không nhìn thấy Ông V tại buổi làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cũng như các lần trả tiền cho Anh H, Chị Th. Ngoài lời khai của Ông V, không có tài liệu chứng cứ nào khác về việc ông đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho Chị Th chuyển nhượng cho bà N. Ông V, bà Đ không chứng minh được việc Ông V đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho Anh H để bán cho bà N.

Ông V và một số người làm chứng trình bày Ông V treo biển bán đất và trên biển có ghi số điện thoại của Ông V. Tuy nhiên, việc Ông V treo biển bán đất không đồng nghĩa với việc vợ chồng Thế H có vay tiền của Ông V. Khi Chị Th, Anh H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N, Ông V bà Đ biết mà không phản đối.

Đối với các tài liệu chứng cứ mà Ông V cung cấp là các bản ghi âm sau khi tạm ngừng phiên tòa. Xét thấy, đây là các tài liệu chứng cứ gián tiếp, Chị Th không thừa nhận và không có tài liệu chứng cứ nào khác về việc Chị Th có vay của Ông V, bà Đ số tiền 3 tỷ đồng.

Sau khi chuyển nhượng thửa đất, Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án vào ngày 04/5/2018. Cả hai bên đương sự đều thừa nhận giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 là viết vào khoảng tháng 3, tháng 4/2018 và thời điểm này không có việc giao tiền và vay nợ. Không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh được việc Ông V, bà Đ đã cho Anh H, Chị Th vay tiền từ năm 2007. Ông V khai cho Chị Th vay 02 lần, bà Đ khai cho Chị Th vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Chị Th, Anh H không thừa nhận có việc vay tiền Ông V, bà Đ. Ông V, bà Đ không có căn cứ chứng minh được việc đã giao số tiền 3.000.000.000 đồng cho Chị Th.

[2.4]. Do giao dịch vay tiền ghi ngày 12/8/2007 là giao dịch không đúng mục đích, để trốn tránh nghĩa vụ nên có căn cứ xác định giấy vay tiền ghi ngày 12/8/2007 là giao dịch giả tạo. Tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp xác lập dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch dân sự đó vô hiệu”.

Mặt khác, tại giấy vay tiền ngày 12/8/2007, phần người vay Chị Th, Anh H

không ký, theo quy định tại khoản 4 Điều 400 Bộ luật dân sự quy định “Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là các bên cùng ký vào văn bản”. Căn cứ vào quy định trên thì hợp đồng vay tiền giữa Ông V, bà Đới Anh H, Chị Th chưa được giao kết. Do vậy, Ông V căn cứ vào giấy vay tiền ngày 12/8/2007 để khởi kiện là chưa đủ căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy vay tiền và dòng chữ “Chồng Bùi Ngọc H, vợ Phạm Thị Th” mà Anh H, Chị Th không ký buộc Chị Th phải trả cho Ông V, bà Đới tiền 3.000.000.000đồng là không có cơ sở, không đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định về “Hợp đồng vay tài sản”.

[2.5]. Đối với kháng cáo của Ông V về việc buộc Anh H có nghĩa vụ trả nợ cùng Chị Th và giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN. Xét thấy: Do yêu cầu khởi kiện của ông không được chấp nhận nên yêu cầu kháng cáo của Ông V về việc buộc Anh H có nghĩa vụ trả nợ cùng Chị Th và giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6]. Do hủy các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên Ông V được sử dụng số tiền 15.000.000đồng tại tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Lục Nam- Bắc Giang II theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2018/QĐ/BPKCTT ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN.

[2.7]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Th và anh Bùi Ngọc H, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế V. Sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế V, chấp nhận kháng cáo của chị Phạm Thị Th và anh Bùi Ngọc H. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 111; khoản 2 Điều 112; Điều 125; Điều 126; Điều 138; Điều 139; Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 124; khoản 4 Điều 400 Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế V về việc buộc chị Phạm Thị Th, anh Bùi Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế V, bà Phạm Thị Đ số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN: Phong tỏa tài sản của bà Phạm Thị Th tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển- chi nhánh Bắc Giang. Số tài khoản: 43110001747000; số sổ: AAC 3107598; số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn).

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LN: Phong tỏa tài sản của ông Bùi Ngọc H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội- chi nhánh Bắc Giang, phòng giao dịch huyện LN: Số tài khoản sổ tiết kiệm: 7623101546007; số tiền là 1.000.0000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn).

- Ông Nguyễn Thế V được quyền sử dụng số tiền 15.000.000đồng trong số tiền 16.394.122 mà Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện LN- Bắc Giang II đã thực hiện phong tỏa số dư tài khoản từ tài khoản Ngân hàng của Ông V.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Thế V.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V, Chị Th, Anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả chị Phạm Thị Th số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003757 ngày 31/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN.

Hoàn trả anh Bùi Ngọc H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003756 ngày 31/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện LN;
- VKSND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Đăng Thi Phạm Thị Minh Hiền

Trần Thị Hà

